

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Xuân Hưng;
2. Ông Đoàn Thế Xương;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Bản Nà Phát, xã Mường Than, tỉnh Lai Châu - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn 1 Minh Chiềng, xã Minh Lương, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 25/8/2025 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, chị Lê Thị T trình bày:

Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Hoàng Văn T vào ngày 02/4/2015 tại UBND xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (Nay là xã Mường Than, tỉnh Lai Châu). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên giải hòa nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Đến cuối năm 2019 chị và anh T sống ly thân. Đến nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Tại bản tự khai ngày 08/9/2025, bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Về ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị T trình bày là

đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn trầm trọng vào cuối năm 2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Lê Thị T vì xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Nguyên đơn chị Lê Thị T và bị đơn anh Hoàng Văn T đều xác nhận có 01 con chung là cháu Hoàng Đức H, sinh ngày 10/05/2015, cháu phát triển khỏe mạnh bình thường và hiện đang ở với anh Hoàng Văn T từ khi vợ chồng sống ly thân.

Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T xác nhận anh T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu H phát triển tốt nên chị cũng nhất trí để anh T được nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn chị Lê Thị T và bị đơn anh Hoàng Văn T không yêu cầu chia tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ nhưng không hoà giải được vụ án vì vắng mặt bị đơn và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng Văn T và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Minh Lương, tỉnh Lào Cai. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh giữ nguyên ý kiến đã trình bày như trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy việc xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018 do bất đồng tính cách, dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, chính quyền địa phương xác nhận mâu thuẫn của đương sự là đúng sự thật, các đương sự đều có nguyện vọng đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Đức H, sinh ngày 10/05/2015;

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, cháu H đã ở với anh T từ khi anh chị ly thân, chị T cũng nhất trí đề nghị

giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh T có mức thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung, có nhà ở ổn định. Toà án đã tiến hành ghi ý kiến và cháu H, cháu có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung, không gây xáo trộn trong cuộc sống của cháu H, cũng như phù hợp với ý kiến của các đương sự, cần giao cháu Hoàng Đức H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác nhận không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Hoàng Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu Hoàng Đức H, sinh ngày 10/05/2015 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0000705 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 8-Lào Cai(2);
- Phòng THADS khu vực 8-Lào Cai;
- UBND xã Mường Than,
tỉnh Lai Châu;
- Đường sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

